

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 23 – 5 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Anh;

Ông Lê Hùng Cường;

Bà Hoàng Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T; sinh ngày 02/7/1984, tại huyện B, thành phố H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện B, thành phố H; chỗ ở: Thôn T2, C2, Quảng Tây, Trung Quốc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có chồng là Khoáng An V, sinh năm 1974, có 02 con; con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 18/3/2017 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Hoàng Văn L2, Luật sư thuộc văn phòng luật sư L3- Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 18/3/2017, tại khu vực ngã ba cây xăng, đường C3, xã T3, huyện V2, tỉnh Lạng Sơn, Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 12A-03320 do Trần Tuấn C4, sinh năm 1972, trú tại số 65 đường N, phường T4, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn điều khiển, phát hiện Nguyễn Thị T cất giấu 03 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng được quấn bằng băng dính ở phần bụng, dưới áo nịt ngực Nguyễn Thị T đang mặc.

Tại Kết luận giám định số 141/KL-PC54 ngày 20/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 03 túi nilon thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Thị T đều là chất ma túy Methamphetamine, tổng trọng lượng 917,240g.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận: Khoảng năm 1998, Nguyễn Thị T sang Trung Quốc làm thuê, lấy chồng và sống tại thôn T2, C2, Quảng Tây, Trung Quốc. Khoảng tháng 02/2017 một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên địa chỉ đặt vấn đề thuê Nguyễn Thị T vận chuyển ma túy tổng hợp từ Trung Quốc về Việt Nam giao cho một người đàn ông tên T6 không rõ địa chỉ là khách mua ma túy với giá 1000NDT/kg, Nguyễn Thị T đồng ý; hai bên đã cho nhau số điện thoại và số điện thoại của người tên T6 để liên lạc;

Khoảng 19 giờ ngày 18/3/2017, sau khi nhận điện thoại của T6, Nguyễn Thị T gọi cho người đàn ông Trung Quốc thì người này trả lời sẽ cho người mang ma túy đến giao cho Nguyễn Thị T. Khoảng 30 phút sau, một người đàn ông Trung Quốc khác gọi cho Nguyễn Thị T và hẹn địa điểm giao ma túy. Theo hẹn, Nguyễn Thị T đến khu vực đường cao tốc cách phòng trọ của Nguyễn Thị T khoảng 200m thì gặp một người đàn ông mặc áo mưa màu xanh và nhận với người này 03 túi nilon đựng ma túy; người đàn ông giúp Nguyễn Thị T cất giấu số ma túy trên bằng cách dùng băng dính quấn 03 túi nilon đựng ma túy ở phía trước bụng dưới áo ngực Nguyễn Thị T đang mặc. Sau khi nhận ma túy, Nguyễn Thị T đi taxi rồi đi bộ theo đường mòn về Việt Nam. Tại khu vực chợ G thuộc xã T3, huyện V2, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Thị T đi nhờ xe của anh Trần Tuấn C4 khi đến khu vực ngã ba cây xăng, đường C3, xã T3, huyện V2, tỉnh Lạng Sơn thì bị bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang, Nguyễn Thị T khai nhận còn 02 lần vận chuyển thuê ma túy cho người đàn ông Trung Quốc. Cả 02 lần, người đàn ông Trung Quốc cho người mang ma túy đến gần nơi trọ của Nguyễn Thị T. Sau đó người này giúp Nguyễn Thị T cất giấu ma túy trong người được quấn bằng băng dính. Sau khi nhận ma túy, Nguyễn Thị T về Việt Nam giao cho T6 đều tại khu vực nhà máy xi măng Lạng Sơn thuộc xã M, thành phố S:

Lần thứ nhất, ngày 16/3/2017, Nguyễn Thị T giao cho T6 0,5kg ma túy và đổi 100.000.000đ tiền Việt Nam của Tr được 03 vạn tiền Trung Quốc về giao cho người thuê. Nguyễn Thị T được trả công 1000 Nhân dân tệ.

Lần thứ hai, ngày 17/3/2017, Nguyễn Thị T giao cho Tr 01kg ma túy và nhận với T6 06 vạn Nhân dân tệ về giao cho người thuê.

Đối với 02 lần vận chuyển trái phép chất ma túy nêu trên, ngoài lời khai của Nguyễn Thị T không có căn cứ nào khác chứng minh nên không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông tên T6, bị cáo Nguyễn Thị T khai quen biết qua Hoàng Văn L4 có cháu tên là C5. Cơ quan điều tra xác định Hoàng Văn L4 có tên đầy đủ là Hoàng Văn L4 (sinh năm 1970, trú tại: Số 155, khu H, thị trấn D, huyện B2, tỉnh Lạng Sơn). Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thị T và Hoàng Văn L4, Hoàng Văn L4 khai có được giới thiệu Nguyễn Thị T với người đàn ông tên đầy đủ là Đặng Văn T6 (sinh năm 1985, trú tại: Tổ 4, khối 5, xã H2, huyện L5, tỉnh Lạng Sơn) nhưng không thừa nhận có việc Nguyễn Thị T làm phiên dịch đề Hoàng Văn L4 đặt vấn đề mua bán ma túy với người Trung Quốc, Hoàng Văn L4 không có người cháu nào tên là C5. Xác minh 02 số điện thoại 01666214208 và 0945573620 của Tr do Nguyễn Thị T cung cấp, xác định được số điện thoại 01666214208 đăng ký bằng chứng minh thư nhân dân số 607210929 mang tên Phạm Văn N. Theo kết quả xác minh của Công an tỉnh Yên Bái, chứng minh thư mang tên Phạm Văn N không có trong tài liệu lưu trữ. Đối với số điện thoại 0945573620 đăng ký bằng chứng minh nhân dân số 125082433 mang tên Đỗ Văn T7 (sinh năm 1982 trú tại xã P2, huyện L6, tỉnh Bắc Ninh). Anh Đỗ Văn T7 cho biết số chứng minh thư trên là của mình nhưng không được đăng ký, sử dụng số điện thoại 0945573620 và không quen biết người tên là T6. Cho Hoàng Văn L4 và Nguyễn Thị T nhận dạng qua ảnh đối với Đặng Văn T6, kết quả cả Nguyễn Thị T và Hoàng Văn L4 đều không nhận ra đối tượng T6.

Đối với người đàn ông Trung Quốc thuê Nguyễn Thị T vận chuyển ma túy và người đàn ông Trung Quốc giao ma túy cho Nguyễn Thị T, do bị cáo không biết rõ danh tính, địa chỉ cụ thể của các đối tượng và do yếu tố nước ngoài nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ để xử lý trong vụ án.

Đối với Trần Tuấn C4 là người đã cho Nguyễn Thị T đi nhờ xe, xác định ông Trần Tuấn C4 không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Tuấn C4 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12A-03320 và các giấy tờ có liên quan.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án 20 năm tù giam; không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) hộp niêm phong, dán kín hình chữ nhật, trên hộp có chữ ký cùng tên Hoàng Xuân H3, Nông Quang H4, Nguyễn Ngọc T5, Lê Thị H6, Nguyễn Thị T. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H7, trợ lý giám định Bùi Anh Th, cùng các dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong hộp có 910,84 gam Methamphetamine.

- 01 (một) dải băng dính màu trắng, dài 86cm có các lớp băng dính chồng lên nhau.

- 01 (một) sổ tay có diện tích 10cm x 14cm bên trong có chữ ký của Nguyễn Thị T.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA viền bên ngoài màu đỏ, số IMEI: 354210/03/201151/9, máy cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A59S màu trắng hồng, số IMEI 1: 864240032464494; IMEI 2: 864240032464486, máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới số: A 0347190 mang tên Nguyễn Thị T.

- 01(một) thẻ ATM màu cam, có chữ Trung Quốc.

Luật sư Hoàng Văn L2 bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét: điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo bố bị câm điếc, mẹ tàn tật do tai nạn lao động; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trình độ học vấn thấp, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân: Do háms lợi nên bị cáo đã nhận lời vận chuyển thuê ma túy cho một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên và địa chỉ từ Quảng Tây, Trung Quốc vào thành phố S - Việt Nam để giao cho người cũng không rõ tên và địa chỉ với tiền công là 1000 nhân dân tệ; nhưng đang trên đường vận chuyển vào khoảng 21 giờ 10 phút ngày 18/3/2017, bị cáo bị bắt giữ tại khu vực ngã ba cây xăng đường C3 xã T3, huyện V2, tỉnh Lạng Sơn cùng 03 túi nilon chứa chất ma túy Methamphetamine với tổng trọng lượng là 917,240 gam theo Kết luận giám định số 141/KL-PC54 ngày 20/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận giám định. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của nhà nước, coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa bàn biên giới, nơi thường có nhiều người qua lại trao đổi hàng hóa, giao thương buôn bán của người dân tại khu vực biên giới; nhưng vì háms lợi bị cáo đã bất chấp pháp luật, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức hành vi là vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt thật nghiêm để góp phần giáo dục chung, phòng ngừa riêng.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt; ngoài tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; do vậy, có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong vụ án này, bị cáo đóng vai trò thứ yếu, giúp sức vận chuyển ma túy thuê cho đối tượng người Trung Quốc và đối tượng người Việt Nam; tuy nhiên, với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, cần có mức hình phạt tương xứng để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có điều kiện về tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về tang, tài vật của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là số ma túy và công cụ do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xét, đối với vật phạm pháp là số ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định và những dụng cụ sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy; những công cụ, phương tiện do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; những phương tiện, giấy tờ khác của bị cáo không liên quan đến tội phạm trả lại cho bị cáo.

[6] Như vậy, các ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định và có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến của người bào chữa không có căn cứ và không phù hợp nên sẽ không được chấp nhận. Ngoài ra, trong vụ án còn có các đối tượng khác, nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra xác minh làm rõ được, nên không có căn cứ để xem xét xử lý cùng trong vụ án.

[7] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

1-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”

2- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 20 (hai mươi) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/3/2017.

3- Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

II. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1- Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) hộp niêm phong, dán kín hình chữ nhật, trên hộp có chữ ký cùng tên Hoàng Xuân H3, Nông Quang H4, Nguyễn Ngọc T5, Lê Thị H6, Nguyễn Thị T. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H7, trợ lý giám định Bùi Anh T8 cùng các dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong hộp có 910,84 gam Methamphetamine.

- 01 (một) dải băng dính màu trắng, dài 86cm có các lớp băng dính chồng lên nhau.

- 01 (một) sổ tay có diện tích 10cm x 14cm bên trong có chữ ký của Nguyễn Thị T.

2- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA viền bên ngoài màu đỏ, số IMEI: 354210/03/201151/9, máy cũ đã qua sử dụng.

3- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A59S màu trắng hồng, số IMEI 1: 864240032464494; IMEI 2: 864240032464486, máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới số: A 0347190 mang tên Nguyễn Thị T.

- 01(một) thẻ ATM màu cam, có chữ TRUNG QUỐC .

(Toàn bộ vật chứng nêu trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/3/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn)

III. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/5/2018).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn